



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ
THUA THIEN HUE CONSTRUCTION JOINT-STOCK CORPORATION

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH

TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/09/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Trụ sở : Lô 9 Phạm Văn Đồng - Thành phố Huế

Điện thoại : 054. 3821510 Fax: 054. 3825152

Website : xaylaphue.com.vn

Email : info@xaylaphue.com.vn



Nơi nhận: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

1 - 2

Bảng Cân đối kế toán

3 - 4

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

5

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

6

Thuyết minh báo cáo tài chính

7 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 5 tháng 1 năm 2011 và theo các GCNĐKKD đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 7/7/2015. Công ty được hình thành từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hoạt động kinh doanh đã đăng ký Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng, thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật; tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; sản xuất vật liệu xây dựng; kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi; và sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đức Hiền	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2010
Ông Lê Quý Định	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2010
Ông Đoàn Hữu Thuận	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2010
Ông Lê Tấn Phước	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hường	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Bà Lê Thị Cẩm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 12 năm 2010

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quý Định.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lập Thừa Thiên Huế ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo tài chính riêng 9 tháng đầu năm 2015 của Công ty kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2015. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho 9 tháng đầu năm 2015 kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Quý Định

Tổng Giám đốc

Huế, ngày 20 tháng 10 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

Mẫu số 01 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã	Thuyết	30/09/2015	31/12/2014
	số	minh	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		233.045.176.664	312.529.062.766
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	148.459.222.339	133.139.590.085
1. Tiền	111		104.024.173.967	88.193.140.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.435.048.372	44.946.449.497
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.931.388.853	133.478.488.357
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5	46.250.257.462	146.773.553.632
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	790.429.700	3.732.064.921
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.508.948.513	3.989.494.852
4. Các khoản phải thu khác	136	8	5.276.183.348	6.568.435.952
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó	137		(29.894.430.170)	(27.585.061.000)
IV. Hàng tồn kho	140		49.156.650.141	38.678.240.244
1. Hàng tồn kho	141	9	49.156.650.141	38.678.240.244
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.497.915.331	7.232.744.080
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	131.158.116	232.744.080
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.366.757.215	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	11	9.000.000.000	7.000.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		190.376.490.127	192.474.962.451
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.795.572.713	23.383.702.902
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	21.795.572.713	23.383.702.902
- Nguyên giá	222		37.894.902.819	37.830.902.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.099.330.106)	(14.447.199.917)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	46.265.021.307	48.558.966.156
- Nguyên giá	231		60.345.211.948	60.345.211.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.080.190.641)	(11.786.245.792)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	13.363.519.792	8.623.541.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.363.519.792	8.623.541.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	80.957.626.758	83.509.485.149
1. Đầu tư vào công ty con	251		63.860.136.645	65.809.536.645
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		27.798.300.737	23.898.339.737
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.122.573.690	1.122.573.690
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(11.823.384.314)	(7.320.964.923)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.994.749.557	28.399.267.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	27.262.853.447	28.399.267.244
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		731.896.110	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423.421.666.791	505.004.025.217

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

Mẫu số 01 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015 VND	31/12/2014 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		259.151.944.712	353.254.502.064
I. Nợ ngắn hạn	310		140.235.513.964	227.170.253.423
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	44.138.861.096	98.651.379.663
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.737.908.574	26.893.737.088
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	2.367.530.872	6.156.002.325
4. Phải trả người lao động	314		1.808.397.576	16.085.134.753
5. Chi phí trả trước ngắn hạn	315		85.000.000	238.308.400
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	2.067.688.110	2.527.657.143
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	54.002.126.862	57.594.933.177
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	302	21	1.940.858.758	1.957.858.758
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	14.061.404.000	14.061.404.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.025.738.116	3.003.838.116
II. Nợ dài hạn	330		118.916.430.748	126.084.248.641
1. Phải trả dài hạn khác	337	23	108.087.838.089	118.273.349.416
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	10.828.592.659	7.810.899.225
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		164.269.722.079	151.749.523.153
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	164.269.722.079	151.749.523.153
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.000.000.000	126.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.672.884.870	7.495.736.870
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.596.837.209	18.253.786.283
- Lợi nhuận ST chưa phân phối lũy kế đến cu	421a		6.524.638.283	18.253.786.283
- Lợi nhuận ST chưa phân phối kỳ nay	421b		20.072.198.926	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423.421.666.791	505.004.025.217



Tổng Giám đốc

Lê Quý Định

Huế, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Văn Tài

Người lập biểu

Lê Thị Khánh Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

09 Phạm Văn Đồng, Tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	9 tháng năm 2015 VND	9 tháng năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		141.060.436.415	219.126.861.972
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		347.250.000	17.609.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	26	140.713.186.415	219.109.252.881
4. Giá vốn hàng bán	11	27	118.493.858.123	187.194.035.414
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.219.328.292	31.915.217.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	16.604.291.836	8.686.725.587
7. Chi phí tài chính	22	29	6.309.169.850	1.353.187.852
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	547.752.632
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11.040.569.536	19.713.559.310
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.473.880.742	19.535.195.892
11. Thu nhập khác	31	30	1.289.858.975	1.853.105.855
12. Chi phí khác	32	31	1.065.995.066	835.587.035
13. Lợi nhuận khác	40		223.863.909	1.017.518.820
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.697.744.651	20.552.714.712
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	32	2.357.441.835	2.905.595.990
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	(731.896.110)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.072.198.926	17.647.118.722
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.593	1.401



Tổng Giám đốc

Lê Quý Định

Huế, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Văn Tài

Người lập biểu

Lê Thị Khánh Vân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/09/2015

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	9 tháng đầu năm 2015 VND	9 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01	241.924.861.164	315.381.151.742
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(167.394.118.863)	(226.517.361.541)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(33.752.717.857)	(29.894.028.803)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(547.752.632)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.566.821.745)	(3.436.195.876)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	48.540.951.477	157.490.012.868
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(73.581.236.992)	(109.990.278.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.170.917.184	102.485.546.783
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS dài hạn	21	(4.996.269)	(124.291.000)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH kh	22	-	14.181.818
3. Tiền cho vay mua các công cụ nợ đơn vị khác	23	(4.743.832.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ cho đơn vị	24	7.632.551.339	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.950.561.000)	(2.083.333.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.800.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.327.868.000	5.828.098.359
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.061.030.070	3.634.656.177
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	34.961.695.270
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.000.000)	(53.267.307.984)
3. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.895.315.000)	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.912.315.000)	(18.305.612.714)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.319.632.254	87.814.590.246
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	133.139.590.085	32.278.433.064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	148.459.222.339	120.093.023.310



Tổng Giám đốc

Lê Quý Định

Huế, ngày 20 tháng 10 năm 2015

Kế toán trưởng

Lê Văn Tài

Người lập biểu

Lê Thị Khánh Vân